

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số : 57/2019/HNGĐ-ST

Ngày 05-4-2019

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Minh Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Xuân Quyết

Bà Nguyễn Thị Linh Chi

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hương Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số : 97/2018/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2018 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 797/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 917/2019/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị Khánh A, sinh năm 1982; nơi cư trú: Số 09 B, phường C, quận D, thành phố Hải Phòng; vắng mặt, đề nghị xét xử vắng mặt;

- Bị đơn: Anh E, sinh năm 1976; nơi cư trú: Đà Loan; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn nộp ngày 24-4-2018 và các văn bản khác, nguyên đơn là chị Hoàng Thị Khánh A trình bày: Chị A và anh E kết hôn do tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng ngày 02-12-2005. Sau khi kết hôn, anh E làm thủ tục bảo lãnh và đến tháng 01-2006 thì chị A sang Đà Loan chung sống cùng anh E. Quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng về ngôn ngữ, phong tục tập quán, tính cách, quan điểm sống không phù hợp. Mâu thuẫn vợ chồng kéo dài 01 năm và ngày càng căng thẳng; do hai bên xô xát nên chị A đã trình báo chính quyền địa phương và từ chối đề nghị tiếp tục chung sống với anh E. Ngay sau đó, chị A đã trở về Việt Nam và từ đó cho

đến nay, chị A và anh E không còn liên lạc; quan tâm đến nhau. Nay nhận thấy tình cảm đối với anh E không còn và vợ chồng không thể đoàn tụ nên chị A yêu cầu được ly hôn với anh E để ổn định cuộc sống.

Về quan hệ nuôi con chung và quan hệ tài sản chung: Chị A trình bày quá trình chung sống không có con chung và tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm, chị A vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Anh E vắng mặt mặc dù đã được Tòa án thực hiện việc ủy thác tư pháp theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử: Về quan hệ hôn nhân: Mâu thuẫn giữa chị A và anh E đã sâu sắc, không còn khả năng khắc phục nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị A; về quan hệ nuôi con chung và quan hệ tài sản chung: Chị A không yêu cầu nên không đặt vấn đề giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Quan hệ tranh chấp của vụ án về việc ly hôn quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37 và điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Anh E vắng mặt tại phiên tòa không rõ lý do. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành ủy thác tư pháp cho cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài để tổng đạt văn bản tố tụng của Tòa án thông báo việc Tòa án đang giải quyết việc xin ly hôn giữa chị A và anh E; đề nghị anh E cho biết quan điểm đối với yêu cầu xin ly hôn của chị A. Ngày 01-8-2018, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng nhận được Công văn số 1711/CH-BTP của Bộ Tư pháp về việc đã chuyển hồ sơ ủy thác tư pháp cho Bộ Tư pháp Lãnh thổ Đài Loan để thực hiện việc ủy thác và gửi lại kết quả cho Bộ Tư pháp. Ngày 25 tháng 01 năm 2019, Tòa án nhận được văn bản trả

lời số 194/BTP-PLQT của Bộ Tư pháp cho biết, Cơ quan có thẩm quyền của Lãnh thổ Đài Loan không thực hiện được ủy thác tư pháp do địa chỉ không đầy đủ. Ngay sau khi nhận được kết quả ủy thác tư pháp, Tòa án đã tiến hành đăng thông báo yêu cầu anh E có mặt theo triệu tập của Tòa án trên Cổng thông tin điện tử Tòa án nhân dân và Cổng thông tin điện tử của Văn phòng Kinh tế - Văn hóa Việt Nam tại Đài Bắc, Đài Loan vào các ngày 29-01-2019 và ngày 19-02-2019. Tuy nhiên, đến nay, đã hết thời hạn một tháng kể từ ngày đăng thông báo nhưng anh E không có mặt tại phiên tòa. Do vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt anh E theo quy định tại điểm c khoản 6 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Do không thể có mặt tại phiên tòa, chị A đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Đề nghị của chị A phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị A.

- Về yêu cầu của đương sự:

[4] Về quan hệ hôn nhân: Chị A và anh E kết hôn do tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng ngày 02-12-2005 nên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, chị A và anh E chung sống tại Đài Loan được một thời gian ngắn (01 năm) nhưng không có hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, thậm chí xô sát dẫn đến việc chị A phải trình báo với cơ quan chức năng tại Đài Loan. Do không thể tiếp tục chung sống nên chị A đã trở về Việt Nam sau một năm chung sống. Kể từ đó cho đến nay, hai bên không còn liên lạc, quan tâm đến nhau. Nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do hai bên bất đồng về ngôn ngữ, phong tục tập quán, tính cách, quan điểm sống. Chị A và anh E đã sống ly thân nhiều năm nay, không còn liên lạc, quan tâm đến nhau. Nay để ổn định cuộc sống, chị A yêu cầu được ly hôn, Hội đồng xét xử xét thấy, yêu cầu của chị A phù hợp với tình trạng gia đình, mối quan hệ giữa chị A và anh E, phù hợp với quy định tại Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên chấp nhận.

[5] Về quan hệ nuôi con chung và quan hệ tài sản chung: Chị A trình bày quá trình chung sống không có con chung và tài sản chung, không yêu cầu nên không đặt ra vấn đề giải quyết.

- Về án phí sơ thẩm và chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài:

[6] Chị A phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và chi phí ủy thác tư pháp theo quy định pháp luật - Điều 146, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 153 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào Điều 146, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 153 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định

về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị Khánh A:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hoàng Thị Khánh A được ly hôn với anh E.

2. Về quan hệ nuôi con chung và quan hệ tài sản chung: Chị Hoàng Thị Khánh A xác nhận không có con chung và tài sản chung, không yêu cầu nên không đặt ra vấn đề giải quyết.

3. Về án phí sơ thẩm và chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài: Chị Hoàng Thị Khánh A phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010722 ngày 06-6-2018 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị Hoàng Thị Khánh A phải chịu tiền chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài được khấu trừ vào số tiền tạm ứng chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài là 200.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010739 ngày 22-6-2018 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị Hoàng Thị Khánh A đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm và chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án, chị Hoàng Thị Khánh A có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật, anh E có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Nơi nhận:

- Đương sự (để thi hành);
- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- Sở Tư pháp TP Hải Phòng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trần Minh Phương